

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHÚ MỸ  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25- 6-2020

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Bảo Ngọc

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Phụng

Ông Thái Khắc Thân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Hằng –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa:*** Ông Mai Văn Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án thụ lý số: 115/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/3/2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2020, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Tổ 10, khu phố S, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

***Bị đơn:*** Ông Võ Duy T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Bà và ông Võ Duy T tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T (nay là phường M, thị xã P), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 19/6/2003.

Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông T không chịu làm ăn để lo cho cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông T, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về bị đơn:*

Theo kết quả xác minh tại Công an phường M thì ông Võ Duy T hiện đang cư trú tại Tổ 9, khu phố M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T lên làm việc nhưng ông T vắng mặt, không trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### ***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ:***

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*[1] Về tố tụng:* Bị đơn đang cư trú tại Tổ 9, khu phố M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Võ Duy T là “Ly hôn”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ông Võ Duy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T là đúng theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*[2] Về nội dung:* Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào các giấy tờ tài liệu do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở để xác định: Bà Nguyễn Thị Tuyết

M và ông Võ Duy T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/6/2003 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T (nay là phường M, thị xã P), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp trong cách sống, vợ chồng không quan tâm chăm sóc, yêu thương, chia sẻ với nhau.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Mai và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Mai đối với ông T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết M không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không xem xét.

Đối với ông Võ Duy T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông T vắng mặt, không trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ theo quy định của Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự cho Tòa án nên được coi từ bỏ quyền bảo vệ của mình tại phiên tòa sơ thẩm.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết M nộp án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết M đối với ông Võ Duy T về việc: “Ly hôn”.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với ông Võ Duy T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tuyết M nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004421 ngày 26/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Nguyễn Thị Tuyết M đã nộp đủ án phí.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc

thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND phường M;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký tên và đóng dấu)

**Hoàng Bảo Ngọc**